

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI MÔNG Ở HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Văn Thế¹, Phan Như Đại²

TÓM TẮT

Dân tộc Mông là một trong số ít dân tộc thiểu số ở Việt Nam còn lưu giữ được một kho tàng văn hóa khá phong phú và đa dạng, có giá trị đảm bảo cho sự định cư bền vững ở vùng đất này hàng trăm năm qua. Tuy nhiên, trong một vài thập kỷ trở lại đây, do những biến động về mặt kinh tế - xã hội và sự ảnh hưởng khác từ bên ngoài..., những nét văn hóa truyền thống của người Mông nói chung và ở khu vực huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa nói riêng cũng đang phải đối mặt với những vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nghiên cứu những đặc trưng văn hóa truyền thống vật chất của người Mông ở huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất các giải pháp bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống của tộc người Mông có tính cấp thiết cả trên hai phương diện lý luận và thực tiễn.

Từ khóa: Bản sắc văn hóa, văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, người Mông.

1. MỞ ĐẦU

Người Mông là một trong 54 tộc người ở Việt Nam, thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao của ngữ hệ Nam Á; là một trong bảy dân tộc thiểu số tương đối đông ở miền Bắc nước ta, có trên 30 vạn người [10; tr.398]. Đồng bào Mông trước đây cũng như hiện nay sinh sống chủ yếu ở địa bàn khu vực vùng biên các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Điện Biên, Lai Châu, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La và khu vực miền núi phía Tây hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Những vùng cư trú của người Mông không gắn liền với nhau thành một dải, mà thường bị ngăn cách bởi nhiều khu vực cư trú của các dân tộc, nhưng trong quan hệ dòng họ và hôn nhân, nhân dân các vùng nhất là các vùng tiếp giáp nhau còn những mối liên hệ nhất định. Qua nhiều đời sinh tồn ở vùng phen dậu của Tổ quốc, người Mông không chỉ giữ đất giữ làng cho quốc gia mà còn đúc kết và tích lũy được một kho tàng văn hóa khá phong phú và đa dạng, có giá trị đảm bảo cho sự định cư bền vững ở vùng đất này hàng trăm năm qua.

Tuy nhiên, trong một vài thập kỷ trở lại đây, do những biến động về mặt kinh tế - xã hội và sự ảnh hưởng khác từ bên ngoài... kéo theo sự di và nhập cư tự do ở khu vực này, dẫn đến những tác động đến môi trường sinh thái cũng như kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng ở khu vực này. Do đó những nét văn hóa truyền thống của người Mông nói chung và ở khu vực huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa nói riêng cũng đang phải đối mặt với những vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại.

¹ Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hồng Đức

² Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

Nghiên cứu những đặc sắc trong văn hóa truyền thống vật chất của người Mông ở huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất các giải pháp bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống của tộc người Mông có tính cấp thiết cả trên hai phương diện lý luận và thực tiễn.

2. NỘI DUNG

2.1. Khát quát về người Mông ở Thanh Hóa

Dân số Thanh Hóa có 1.074.522 người với 28 dân tộc anh em cùng chung sống từ lâu đời như: Kinh, Mường, Thái, Mông, Thổ, Dao, Khơ Mú, Tày, Nùng, Hoa, Khơ Me, Gia Rai, Ê Đê, Tà Ôi. Dân tộc Mông ở Thanh Hoá là dân tộc có dân số tương đối nhiều, với 2.361 hộ/ 14.917 người, sinh sống ở 46 bản làng, 6 xã, 3 huyện: Quan Hoá, Quan Sơn và Mường Lát. Người Mông di cư vào Thanh Hoá khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX từ các tỉnh phía Bắc Việt Nam.

Người Mông ở Thanh Hoá trước 1992 chỉ có một số ít, ở một số chòm. Từ năm 1992, dân tộc Mông ở các tỉnh phía Bắc, từ Sơn La và Lào di cư đến, sống tập trung ở xã Pù Nhi, Trung Lý (Mường Lát).

Trước đây đồng bào sống tập trung ở xã Pù Nhi có 14 chòm, một chòm Pù Dừa ở xã Quang Chiêu và một chòm Pù Nghiu ở xã Tam Chung. Có 2 dòng họ Thao và Hớ là 2 dòng họ lớn thay nhau và cùng nhau quản lý; còn các dòng họ Lâu, Sung là những dòng họ nhỏ. Sau Cách mạng Tháng Tám họ mới có điều kiện tham gia công tác xã hội.

Người Mông có truyền thống sống du canh du cư. Sau 26 năm vận động định canh định cư ở vùng này đã đem lại cho đồng bào nhiều biến đổi. Trước năm 1945, người Mông chỉ có 900 người sống trên đỉnh núi Pù Nhi, vùng Toọng Ma Pa Púng. Đến năm 1994 dân số tăng lên 5.044 người trong đó có hơn 2.000 người di cư từ năm 1992 vào (từ Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Nghĩa Lộ), (dân số năm 1999: 13.863 người, trong đó di cư từ các nơi đến từ năm 1990 đến nay khoảng 8.000 người (cả nước 558.000).

Về sản xuất kinh tế: Người Mông ở Thanh Hoá chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa trên nương rẫy, các loại cây trồng chủ yếu ngoài cây lúa còn có một số loại cây như sắn, ngô, khoai, đậu tương, mì... nghề lúa nước ít có điều kiện khai hoang và phát triển, một số ít sống làm nghề thủ công, đan lát và nghề chăn nuôi với hình thức chăn thả. Trước đây, dân tộc Mông chăn nuôi chỉ để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên vài năm trở lại đây đã dần hình thành lối chăn nuôi và xuất thành hàng hoá trao đổi. Dân tộc Mông nổi tiếng về nghề rèn, nghề đúc, đan lát, dệt vải và người Mông còn có thể khoan và tự làm nòng súng; nghề làm đồ trang sức như vòng đeo cổ, khuyên tai, nhẫn của người Mông cũng đạt đến mức kỹ thuật cao.

Địa bàn cư trú của đồng bào Mông (cũ và mới) đều tập trung vào vùng núi cao, rừng nguyên sinh đầu nguồn sông suối. Cuộc sống dựa vào đốt rừng làm nương rẫy. Trong những năm vận động định canh định cư đồng bào có khai hoang làm ruộng, song lại bỏ vì thiếu nước.

2.2. Những nét tiêu biểu về văn hóa vật chất của người Mông ở huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Về văn hóa vật chất của người Mông, xin làm bàn đến các lĩnh vực: ẩm thực, trang phục, nhà cửa, bản, phương tiện đi lại, rất mong có thể góp thêm cho mọi người một góc nhìn về người Mông Thanh Hóa.

2.2.1. Ẩm thực

Tuy có một số ít ruộng nước, nhưng nguồn sống chính của người Mông vẫn là nương rẫy. Họ chủ yếu canh tác lúa, ngoài trồng lúa ra họ còn canh tác thêm ngô, khoai, sắn. Ngoài canh tác lúa, ngô, khoai, sắn... họ còn săn bắn và hái lượm những nguồn thực phẩm từ tự nhiên.

Do vậy nguồn lương thực chính của người Mông ở đây là lúa tẻ và lúa nếp, những tháng đói thì ăn thêm ngô, khoai, sắn... Thức ăn là thịt và rau, thịt chủ yếu từ săn bắn và một phần từ chăn nuôi. Người Mông khá giỏi trong việc chăn nuôi, ngoài phục vụ bữa ăn và nghi lễ tín ngưỡng họ còn mang xuống chợ trao đổi lấy muối, đường và dao... Rau họ khai thác trong rừng. Các món rau chủ yếu là rau ngót rừng, măng, nấm...

Đồng bào Mông trong truyền thống uống nước lã hằng ngày, nước được lấy từ các khe suối hay từ giếng nước tự nhiên. Ngoài ra đồng bào còn uống nước rau luộc và nước chè. Tuy nhiên ngày nay người không uống nước lã nữa mà đem về đun sôi rồi mới uống. Rượu là thức uống phổ biến hằng ngày và trong các nghi lễ tín ngưỡng, người ta cất rượu từ ngô và men lá. Người Mông uống rượu rất giỏi, những ngày chợ phiên họ có thể uống với bạn cả ngày. Trong tất cả các nghi lễ nhất định phải có rượu làm đồ cúng. Nhắc đến người Mông người ta phải nhớ đến rượu và rượu đã trở thành văn hóa.

Người Mông hút thuốc lá, xưa khi còn trồng nhiều thuốc phiện thì một số người hút cả thuốc phiện. Nay người Mông đã loại trừ cây thuốc phiện ra khỏi đời sống, họ thay thuốc phiện bằng cây ngô cây đậu.

Trên vùng cao, vùng Mông là nơi chăn nuôi gia đình (trâu, bò, lợn, ngựa, gà...) tương đối phát triển. Trong sản xuất không thể thiếu sức kéo, trong sinh hoạt rất cần ngựa thồ, cho nên việc nuôi trâu, bò, ngựa không chỉ phát triển mà còn được chăm sóc rất chu đáo. Ai không nuôi lợn đều bị coi là không phải người Mông. Mỗi gia đình đều nuôi từ 5, 7 con lợn đến 10, 20 con lợn. Trong truyền thuyết, lợn là vị thần đã có công giúp người, là cha của “Vua” Mông. Mỗi gia đình người Mông còn nuôi từ 30 - 40 con gà đến 100 con gà. Lợn, gà chủ yếu dùng cho sinh hoạt gia đình. Ở nhiều nơi, việc thu hái lâm thổ sản còn có vị trí quan trọng. Đồng bào thường thu hái: củ gấu, thảo quả, đảng sâm, hà thủ ô, hoàng liên, cánh kiến, chè... là những thứ có giá trị hàng hóa cao.

2.2.2. Trang phục

Như đã nói ở trên, người Mông chủ yếu làm nương rẫy. Trên ruộng nương, ngoài ngô lúa là cây trồng chính còn có mạch ba góc, ý dĩ, khoai, rau, lạc, đậu, vừng..., lanh là loại cây công nghiệp được trồng phổ biến để lấy sợi dệt vải, chiếm một diện tích khá lớn. Trừ nhóm Mông Xanh (*Mống Súa*) và Nà Miảo với dân số không đông lắm thường trồng

bông dệt vải, tất cả các nhóm Mông đều trồng lanh [10; tr.450]; và cũng vì sống trên các sườn núi cao không trồng được bông nên người Hmông làm quần áo từ sợi lanh. Vải lanh dùng làm váy, may quần áo, khâu bao đựng bột, làm mặt chăn, đệm, v.v... Người chết phải có áo ngoài bằng lanh, theo quan niệm của đồng bào, thì mới được về đoàn tụ với tổ tiên. Mỗi người thiếu nữ từ 15, 16 tuổi đến các bà cụ 60 tuổi đều có đám lanh riêng cho mình. Cây lanh sau khi chặt (vào tháng 6) được phơi khô, tước lấy vỏ và từ vỏ lanh làm thành những sợi dệt. Việc này đòi hỏi nhiều thời gian cho nên người phụ nữ lúc nào cũng có vỏ lanh quanh mình tranh thủ tước sợi trong lúc nghỉ lao động sản xuất, lúc đi đường hay họp chợ, để có thể dệt xong vào tháng 12. Tuy vậy, mỗi năm một người có thể làm được 4, 5 tấm lanh, mỗi tấm dài 20 vuông khổ nhỏ đủ may một váy đẹp [10; tr.450].

Trang phục của người Mông bao gồm quần, áo, khăn đội đầu... đặc trưng bởi làm từ sợi lanh. Trang phục có nhiều loại khác nhau và mang đặc điểm của từng nhóm người Mông. Người Mông Trắng phổ biến là mặc váy màu trắng, nhóm Mông Hoa được xem là có bộ trang phục được thiết kế cầu kỳ và đẹp mắt nhất, đặc biệt là bộ trang phục nữ rất nhiều họa tiết trang trí hoa văn, nhóm người Mông Xanh và Đỏ cũng như nhóm Mông Đen đều có nhiều đặc điểm đặc trưng dễ nhận dạng thể hiện ngay trên bộ trang phục họ đang mặc trên người. Những đặc điểm của trang phục truyền thống Hmông được thể hiện rõ nhất trong hai bộ trang phục của nữ giới và nam giới.

2.2.2.1. Trang phục nam giới

Nhìn chung trang phục nam giới các nhóm Mông đều giống nhau bao gồm: quần áo, thắt lưng và khăn bịt đầu. Quần của người con trai Mông được may ngắn, cạp rộng, đùi thấp, khi mặc cạp quần được vắt chéo sang một bên rồi dùng thắt lưng thắt lại.

Áo có 2 vạt trước, cài cúc hơi lệch sang phía ngực phải, đoạn cánh tay có gắn vào nhiều mảnh vải màu. Áo rất ngắn, phía trước chỉ đủ che ngực, áo thường may 2 lớp vải. Ngày thường nam giới rất ít dùng khăn đội đầu, khăn chỉ dùng trong đám cưới. Áo của người Mông tuy ngắn nhưng có 2 lớp vải giúp chống lại cái nóng của mùa hè, chịu cái lạnh của mùa đông.

2.2.2.2. Trang phục nữ giới

Trang phục của người phụ nữ Mông đặc sắc hơn hẳn, chúng thêu nhiều chi tiết hoa văn thể hiện sự khéo léo và tỉ mỉ của người phụ nữ Mông. Phụ nữ Mông thường mặc hai kiểu áo phổ biến là áo tứ thân xẻ ngực, không cài cúc không khâu vắt gấu áo và loại áo năm thân xẻ nách, với một dải hoa văn sắc sảo các màu đỏ, vàng, tím được thêu phổ biến trên vải áo. Người phụ nữ Mông mà đặc biệt là nhóm Mông Hoa mặc váy chứ không mặc quần, họ có tục bó chân như người Hán. Song hiện nay, việc mặc quần cũng phổ biến ở tất cả các nhóm người Mông đặc biệt là giới trẻ, bộ quần áo dân tộc chỉ được họ mặc mỗi khi đến hội hè hay tết, ngày lễ cưới hỏi, còn ngày thường chỉ có người già và phụ nữ trung niên mới thường xuyên mặc.

Phụ nữ Mông đeo nhiều trang sức như vòng cổ bằng bạc, hoa tai bằng nhôm, vòng tay và vòng chân. Bộ trang sức của nữ giới rất cầu kỳ và chủ yếu được làm bằng chất liệu bạc. Bộ trang sức của người Mông trắng là điển hình hơn cả, đó là sự kết hợp của 3 đến 4

vòng bạc được đúc từ những đồng tiền bạc Đông Dương của Pháp hay được chế tác thành những hình thù khác nhau treo kín cả ngực. Tạo tác trang trí có số lượng lớn nhất là hình con trâu với kích thước khác nhau, ngoài ra có cả những bông lúa và các con vật thân thuộc khác, chúng được nối với nhau bằng những sợi chỉ xuyên qua những hạt chuỗi màu sắc sặc sỡ làm bằng nhựa hay khâu bằng vải.

Cổ áo mặc bình thường của người phụ nữ (có nơi gồm cả đàn ông) ở bên lưng luôn gắn thêm một tạo tác hoa văn hình vuông. Người Mông quan niệm rằng mặt trước là mặt sáng, mặt sau là mặt tối, mặt sáng của con người và thế giới dương, mặt tối thuộc về những lực lượng tự nhiên khác hay cõi âm, ý nghĩa là đánh lạc hướng ma quỷ không cho chúng nhập vào làm hại con người. Tuy vậy ngày nay chúng có thể hiện vai trò là vật trang trí nhiều hơn vì được tạo tác rất cẩn thận và công phu.

Chiếc khăn của người con gái Mông không thêu và trang trí mà để nguyên màu chàm, cách quấn khăn rất đặc biệt.

Nhà cửa

Người Mông không có tập quán ở nhà sàn như các dân tộc khác, vì họ phải sống trên núi cao, sương mù quanh năm và thường xuyên phải chịu thời tiết lạnh. Nhà ở của người Mông thường được xây dựng gần nguồn nước, gần nương, đi lại thuận tiện. Ở những nơi địa thế hiểm trở, khi làm nhà, đồng bào phải tính đến những đổi thay của thời tiết: mưa to, gió lớn, đá lớn có thể xô xuống đè nhà, đè cửa. Nhà ở của người Mông về cơ bản có thể chia thành hai loại tương ứng với hai loại bản, tức là nhà định cư lâu năm và nhà du cư sống tạm.

Nhà định cư là nhà của những người Mông sống định canh ở các tỉnh Hà Giang, Lào Cai... Nhà định cư được xây dựng có độ bền khá, nguyên liệu để làm nhà là gỗ và đất. Gỗ dùng để làm mái, đất dùng làm nguyên liệu trình tường. Trên mái lợp bằng ngói máng hoặc lợp cỏ gianh. Kỹ thuật làm mộc khá tinh xảo. Đồng bào thường đun nấu, sưởi ấm ở trong nhà, nên nhà ấm và tăng thêm độ bền của nhà. Loại nhà này có cái phải ở được hai đời người.

Nhà du cư là nhà ở của những người Mông sống du canh chủ yếu ở các tỉnh Tây Bắc và Thanh, Nghệ. Do cuộc sống du canh nên nhà du cư cũng sơ sài hơn và kém bền vững hơn nhà định cư. Nguyên liệu để làm nhà là gỗ, tre, nứa, lá. Nhà du cư cũng không đòi hỏi kỹ thuật xây dựng cao như nhà định cư. Công cụ làm nhà chủ yếu là dao, búa, cưa [1; tr.75,76].

Nơi ở của người Mông Thanh Hóa thường là nhà đất, mái được lợp bằng gỗ hoặc tranh. Điều đặc biệt là mái nhà thường thấp, có khi gần như che khuất không gian phía trước ngôi nhà. Mục đích của việc xây dựng này là ngăn cản những làn sương, mây mù buổi sớm bay vào trong nhà [3; tr.55].

Những ngôi nhà nền đất của người Mông có nhiều ưu điểm: mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Có được những ưu điểm này là do cách làm nhà độc đáo của họ.

Cấu trúc ngôi nhà của người Mông có thể gồm 3 gian hoặc 5 gian ở nhưng ngôi nhà nào cũng gồm có 3 gian giữa và hai gian bên, gian giữa có một cửa chính mở hướng về đằng trước, có hai cửa ở hai gian bên. Nhà của người Mông có thể có nhà bếp riêng hoặc bếp được thiết kế ngay trong nhà chính. Loại nhà bếp này có lẽ cũng mới chỉ xuất hiện vài chục năm trở lại đây và đó có thể là một hiện tượng tiếp thu và biến đổi văn hóa.

Trong nhà được chia ra làm các phần chính bắt buộc phải có, đó là một phòng riêng của bố mẹ ở bên trái thuộc gian nhà kế tiếp của gian giáp với cửa chính, một phòng đối diện ở phía bên này cửa chính, phòng này giành cho con dâu hoặc nếu chưa có dâu thì nó giành cho chị hoặc em gái. Một giường đặt cạnh bàn uống nước bên phải nhà, giường này giành cho khách nếu nhà có khách còn không thì đó là nơi ngủ của các con trai trong nhà.

Trước đây để làm được một ngôi nhà thì tốn rất nhiều công sức, thường thì phải chuẩn bị gỗ trong suốt nhiều năm mới có thể làm được một cái nhà. Nhà được lập bằng gỗ gianh trước đây nhưng bây giờ chủ yếu lập bằng pro xi măng. Các cột gỗ chính trong nhà là những vật liệu khó chuẩn bị nhất. Làm nhà dựng cửa là những công việc nặng nhọc nhưng người Mông đều rất đoàn kết trong việc trợ giúp các thành viên trong bản dựng nhà. Mỗi ngôi nhà được làm từ những loại gỗ tốt có thể ở được 10 đến 20 năm, có những ngôi nhà còn lâu hơn thế.

Nhà của người Mông bao giờ cũng có sàn gác để cất giữ đồ đạc, lương thực, thực phẩm. Ngô lúa khi mang từ nương về bao giờ cũng được cất lên gác. Khói bếp sẽ làm khô và giữ cho không bị sâu mọt. Người Mông không cho con gái, đàn bà được ngủ trên gác. Khi đàn ông trong nhà đi vắng thì con dâu không được phép lên gác.

Nhà của người Mông không bao giờ làm dính sát vào nhau, cho dù là anh em ruột thịt. Khi chọn đất làm nhà, người Mông lấy 3 hạt gạo hoặc ngô đặt xuống khu đất đã chọn rồi đặt bát hoặc chậu gỗ lên trên, sau đó thắp 3 nén hương khấn thần đất, đốt 3 tờ giấy bản xin thổ công thổ địa cho gia chủ làm nhà. Sáng hôm sau hoặc sau 3 tháng, chủ nhà quay lại xem số hạt ngô đặt dưới đất, nếu thấy vẫn còn nguyên thì coi như đất ở nơi đó tốt, làm nhà được. Nếu những hạt gạo hay ngô đó đã bị sâu hay kiến ăn thì coi như đất ở đó dữ, không làm nhà được.

Chọn được đất ở, người Mông tiến hành san nền, kê móng, trình tường nhà. Công việc trình tường được làm khá công phu. Trong quá trình trình tường, người lạ không được đến, nhất là phụ nữ.

Cửa chính nhà của người Mông cũng phải tìm gỗ tốt để làm, nếu là tre nửa thì phải là thân trúc hoặc mai già. Cửa bao giờ cũng mở vào trong chứ không mở ra ngoài. Người Mông không sử dụng bản lề, then chốt bằng sắt mà hoàn toàn bằng gỗ, bởi người Mông coi cửa mở ra đóng vào là lòng bụng con người, trong khi đó bản lề sắt thép là những vật cứng được ví như dao kiếm. Ngoài cửa chính, nhà của người Mông còn có cửa phụ, là lối để đưa đồ dùng cho người chết vào nhà lúc tang ma. Chỉ khi đưa ra nghĩa địa mới đi qua cửa chính.

Làm nhà được coi là một việc hệ trọng trong đời người Mông, do vậy ngày về nhà mới là ngày đại sự của gia chủ. Ngày hôm ấy, người ta tổ chức ăn uống vui vẻ, chúc nhau mọi sự tốt lành. Cùng với việc làm nhà mới là làm chuồng gia súc. Chuồng gia súc được làm chệch với cửa chính, tùy thuộc vào hướng gió. Để làm chuồng gia súc, người ta cũng phải xem tuổi gia chủ, tính ngày tháng rồi mới làm. Người Mông rất yêu quý gia súc, có khi còn làm chuồng gia súc tốt hơn làm nhà ở. Khi làm chuồng gia súc người Mông đều thắp hương cúng ma chuồng, ma trại phù hộ cho gia súc hay ăn chóng lớn, dễ nuôi.

Nhà người Mông thường được xếp đá xung quanh làm hàng rào che chắn. hàng rào đá xếp xung quanh một nhà hoặc 2,3 nhà có quan hệ anh em nội tộc với nhau, làm thành một khu riêng biệt. Người Mông cũng làm nhà dựa lưng vào núi, kiêng làm nhà quay lưng ra khe, vực sâu. Bản của người Mông có từ vài ba nóc nhà trở lên, có bản chỉ có một dòng họ, nhưng không nhiều, còn lại đa số là một bản có nhiều dòng họ sống cùng nhau.

Trước kia người Mông không dùng màn nhưng nay họ cũng đã mua sắm màn và bắt đầu mua giường để ngủ. Nhà sàn cũng ngày càng ít và thay vào đó là các ngôi nhà gạch mộc và nhà gạch bê tông ngày càng nhiều.

Bản

Bản của người Mông ở Thanh Hóa thường ở các sườn núi cao, số nhà từ vài nóc nhà trở lên. Cách bố trí nhà trong bản thường không theo trật tự nào mà cứ thuận theo thế đất mà xây, hướng nhà cũng không xác định.

Bản của người Mông cách nhau tương gần mà hóa xa, gần về tầm nhìn nhưng xa về đường đi vì người Mông sống trên những miền núi cao nên ở 2 ngọn đồi nhìn gần nhau nhưng muốn từ bản này sang bản khác lại phải xuống thung lũng rồi trèo núi lên. Thậm chí từ nhà này sang nhà kia cũng phải đi mất cả tiếng đồng hồ, thế nhưng với đồng bào thì việc di chuyển là quá bình thường vì họ là những cư dân ưa chuyển động. Vì họ thích di chuyển và sống trên những vùng núi cao nên tính cách của họ cũng rất đặc biệt, họ sống rất tin nhau nhưng một khi đã ghét ai thì họ sẽ rất khó lấy lại được sự cảm mến.

Phương tiện đi lại

Phương tiện đi lại chủ yếu của người Mông là đi bộ và cưỡi ngựa, đồng bào rất giỏi nuôi và huấn luyện ngựa. Ngựa để cưỡi, ngựa để thờ. Người Mông rất ít khi thịt ngựa, trừ những con già yếu vì ngựa là loài vật rất thân thiết với đồng bào. Món thắng cố chế biến từ ngựa mới xuất hiện cách ngày nay không lâu và không phải là nguyên liệu truyền thống để làm thắng cố của đồng bào.

Đồng bào dùng gùi để vận chuyển đồ đạc, dùng gùi để gùi nước... chiếc gùi đã trở thành một phần văn hóa của người Mông. Vì đồng bào sống vùng núi cao nên không thể dùng quang gánh như người Kinh, không thể đi thuyền và dùng thuyền vận chuyển giống người Kinh và người Thái. Chiếc gùi mang sau lưng phù hợp với điều kiện leo trèo của đồng bào, là vật dụng được đồng bào sáng chế để thích nghi với điều kiện tự nhiên.

Người Mông với thói quen sống trên những đỉnh núi cao, thích di chuyển... thì họ rất giỏi thích nghi với môi trường sống khắc nghiệt. Người Mông Thanh Hóa cũng có những điểm tương đồng và dị biệt với người Mông ở các vùng khác trên đất nước Việt Nam. Khác nhau là điều dễ hiểu vì tùy vào điều kiện địa lý của từng nơi người ta lại thay đổi và thích nghi. Người Mông với tính cách thích du cư, mỗi đỉnh núi cao đều có thể là nhà. Đến những miền núi khác nhau, tiếp xúc với những dân tộc khác nhau họ sẽ biến đổi và thích nghi với dân tộc đó để cùng tồn tại và phát triển.

Qua phân tích những biến đổi văn hóa vật chất của người Mông ở Thanh Hóa cho thấy rằng, dưới tác động của kinh tế thị trường thời đổi mới - mở cửa - hội nhập, những biến đổi trong văn hoá sản xuất, văn hoá trang phục, văn hoá kiến trúc của người Mông thể hiện rất rõ rệt. Trong các thành tố văn hóa, nhà ở và trang phục là các thành tố biến đổi mạnh nhất theo xu hướng hiện đại hoá, cách tân, đổi mới. Đây là kết quả của quá trình giao lưu và tiếp biến văn hoá, cũng như là kết quả của quá trình phát triển tất yếu tự thân của nền văn hóa.

Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, so với lĩnh vực văn hóa vật chất, lĩnh vực văn hóa tinh thần thường biến đổi chậm hơn. Văn hóa của người Mông cũng không là ngoại lệ.

Trong số các thành tố thuộc lĩnh vực văn hóa tinh thần được đề cập ở trên, ngôn ngữ là nhân tố biến đổi chậm hơn so với các thành tố còn lại.

Các lễ hội truyền thống bao giờ cũng là “bảo tàng sống” chứa đựng các giá trị văn hóa - lịch sử phong phú của mỗi dân tộc. Đối với người Mông, lễ hội không chỉ là kho tàng di sản văn hoá vô giá tạo nên bản sắc độc đáo của nền văn hoá Mông trong quá khứ, mà còn trở thành một nhu cầu văn hoá - tâm linh của người Mông thời kỳ Đổi mới. Hiện nay, nhiều lễ hội dân gian của người Mông đã có cơ hội phục hồi, gìn giữ và phát triển. Nhiều lễ hội đã thành công trong việc kết hợp những yếu tố truyền thống và đổi mới.

Việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc đang tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các cộng đồng, địa phương trong quá trình hội nhập, phát triển. Trước thực tế đó, tỉnh Thanh Hóa đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Mông trên địa bàn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.3. Một vài đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của tộc người Mông

2.3.1. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống thông qua tuyên truyền, giáo dục và dư luận xã hội

Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa được coi là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong quá trình giao lưu và hội nhập thế giới. Tuy nhiên, bảo tồn di sản văn hóa không chỉ đóng khung trong phạm vi bảo tàng mà cần phải tuyên truyền để người dân hiểu rõ hơn về lịch sử cũng như giá trị văn hóa của dân tộc mình. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa chỉ đạt hiệu quả cao khi có sự tham gia của toàn thể xã hội, khi người dân có ý thức trong việc bảo tồn di sản văn hóa thì mọi khó khăn có thể giải quyết một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Do vậy, công tác tuyên truyền, vận động cần phải được thực hiện đồng bộ với nhiều phương thức khác nhau, có thông tin cụ thể, sát thực và gần gũi với đời sống sinh hoạt của người dân. Đồng thời, cần phải làm rõ và gắn lợi ích của người dân khi tham gia các hoạt động bảo tồn, nhằm thu hút đông đảo mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia gìn giữ những giá trị di sản văn hóa truyền thống.

2.3.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống thông qua việc hoàn thiện các thể chế pháp luật - chính sách

Bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, đã được Nghị quyết TW 5 khóa VIII của Đảng đề ra, như là kim chỉ nam cho mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ. Thực trạng biến đổi, đứt gãy và mai một các giá trị văn hóa truyền thống đang là vấn đề cần được quan tâm.

2.3.3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống bằng quá trình giám sát, kiểm tra

Cán bộ văn hóa cơ sở là những người gần gũi với dân, nắm bắt mọi diễn biến của đời sống văn hóa cơ sở, đồng thời họ còn là những người có thể làm tốt công tác tuyên

truyền, giáo dục ý thức tự giác của người dân trên địa bàn quản lý của mình. Do gắn bó chặt chẽ với dân, nên chính họ là người có thể kịp thời phát hiện sớm nhất những sai phạm hoặc những biến động bất thường diễn ra trên địa bàn do mình phụ trách. Họ cũng là người có thể tham gia góp ý, phản biện các dự án bảo tồn văn hóa trên địa bàn một cách cụ thể và sát thực nhất. Vì thế, địa phương cần có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, nhất là cán bộ văn hóa cơ sở.

2.3.4. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống bằng cách đào tạo cán bộ quản lý văn hóa

Công tác kiểm kê, sưu tầm, phục dựng các loại hình di sản văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác quản lý văn hóa. Mặc dù còn nhiều khó khăn về kinh tế, nguồn vốn ngân sách dành cho văn hóa còn eo hẹp nhưng công tác sưu tầm, bảo tồn, phục dựng các di tích, lễ hội truyền thống đã được đặc biệt quan tâm. Bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác quản lý văn hóa còn nhiều hạn chế do chưa được nghiên cứu một cách bài bản, thống nhất. Các giá trị văn hóa truyền thống như ngôn ngữ, chữ viết, tri thức văn hóa bản địa đang có nguy cơ mai một, nhiều hiện vật, tài liệu sưu tầm chưa có nơi trưng bày để đưa vào khai thác, phục vụ người dân.

2.3.5. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống bằng đầu tư tài chính

Thực tế tình trạng đầu tư và sử dụng cơ sở hạ tầng văn hóa, thực thi các thiết chế văn hóa còn nhiều bất cập, còn nhiều nhà văn hóa cộng đồng hoạt động kém hiệu quả, có nơi bị biến thành nhà truyền thống của bản, hoặc hoạt động cầm chừng. Người dân ít được tiếp cận với mô hình sinh hoạt nghệ thuật truyền thống ở nhà văn hóa, đôi lúc còn xảy ra những xung đột giữa giá trị văn hóa cũ và mới. Nguyên nhân là do chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức đến vị trí, vai trò của thiết chế văn hóa trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Việc thực hiện các giải pháp nêu trên cần phải được tiến hành nhanh chóng và đồng bộ để công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Hmông đạt được hiệu quả.

3. KẾT LUẬN

Là một trong số ít dân tộc thiểu số ở Việt Nam, dân tộc Mông đến ngày nay còn lưu giữ được một kho tàng văn hóa khá phong phú và đa dạng, có giá trị đảm bảo cho sự định cư bền vững ở vùng đất này hàng trăm năm qua. Tuy nhiên, trong một vài thập kỷ trở lại đây, do những biến động về mặt kinh tế - xã hội và sự ảnh hưởng khác từ bên ngoài... Do đó những nét văn hóa truyền thống của người Mông nói chung và ở khu vực huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa nói riêng cũng đang phải đối mặt với những vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Vật nện, trước mắt cũng như lâu dài, Đảng và Nhà nước ta cần quan tâm nhiều đến công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Mông. Việc thực hiện các giải pháp nêu trên cần phải được tiến hành nhanh chóng và đồng bộ để công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông đạt được hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Dân tộc Mông ở Việt Nam* (1994), Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [2] Phạm Hồ Đấu, Trần Thị Liên (2011), *Đời sống văn hóa dân tộc Mông*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [3] *Đời sống văn hóa dân tộc Mông* (2011), Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [4] Lê Sỹ Giáo, Nguyễn Thị Thu Huyền (2017), *Văn hóa ẩm thực liên quan đến cây ngô của người H'mông trắng ở huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (Nghiên cứu, tìm hiểu)*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5] Đậu Tuấn Nam (2013), *Di cư của người HMông từ đổi mới đến nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Vương Duy Quang (2016), *Kinh tế và xã hội của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Chu Thái Sơn (Chủ biên) (2016), *Văn hóa tộc người Hmông*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Mạnh Tiến (2014), *Những đỉnh núi du ca một lối tìm về cá tính H'Mông*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [9] Cư Hòa Văn, Hoàng Nam (1994), *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [10] Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

CONSERVING AND PROMOTING OF THE CULTURAL TRAITS OF MONG PEOPLE'S MATERIALISTIC TRADITION IN MUONG LAT DISTRICT, THANH HOA PROVINCE

Nguyen Van The, Phan Nhu Dai

ABSTRACT

The Mong ethnic group is one of the few ethnic minorities in Vietnam that has preserved a rich and diverse cultural treasure, which is valuable for sustainable settlement in this land for hundreds of years. However, in recent decades, due to the socio-economic fluctuations and other influences from outside, etc. Therefore, traditional cultural features of the Mong people in general and Muong Lat district, Thanh Hoa province in particular are also facing the complicated problems of modern society. Studying the reality of changing the traditional culture of the Mong people in Muong Lat district, Thanh Hoa province and proposing conservation solutions to promote the traditional cultural values of the Mong people are very urgent in both directions: theoretical and practical aspects.

Keywords: *Cultural traits, materialistic culture, spiritual cultural, Mong people.*

* Ngày nộp bài: 14/4/2019; Ngày gửi phản biện: 16/4/2019; Ngày duyệt đăng: 8/11/2019